

Số: 495/2014/QĐ-UBND

Bắc Giang, ngày 01 tháng 8 năm 2014

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định tiêu chí phân nhóm xã, thôn theo mức độ
khó khăn và định mức phân bổ vốn Chương trình 135 năm 2015
và giai đoạn 2016-2020 trên địa bàn tỉnh Bắc Giang

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

Chuyển... Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân ngày 31 tháng 12 năm 2004;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 05/2013/TTLT-UBND-NNPTNT-KHĐT-TC-XD ngày 18 tháng 11 năm 2013 của liên Bộ: Ủy ban Dân tộc, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Xây dựng hướng dẫn thực hiện Chương trình 135 về hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng, hỗ trợ phát triển sản xuất cho các xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới, xã an toàn khu, các thôn, bản đặc biệt khó khăn;

Theo đề nghị của Trưởng ban Ban Dân tộc tại Tờ trình số 14/TTr-BDT ngày 18 tháng 7 năm 2014,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định tiêu chí phân nhóm xã, thôn theo mức độ khó khăn và định mức phân bổ vốn Chương trình 135 năm 2015 và giai đoạn 2016-2020 trên địa bàn tỉnh Bắc Giang.

Điều 2. Quyết định có hiệu lực sau 10 ngày kể từ ngày ký.

Điều 3. Giám đốc các Sở, Thủ trưởng các cơ quan thuộc UBND tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện Sơn Động, Lục Ngạn, Lục Nam, Yên Thế, Lạng Giang, Hiệp Hòa và các cơ quan, đơn vị, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. / . qu

Nơi nhận: **N**

- Như Điều 3;
- Ủy ban Dân tộc;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL- Bộ Tư pháp;
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Ủy ban MTTQ tỉnh;
- Văn phòng Tỉnh ủy;
- Văn phòng UBND tỉnh;
- LĐVP, các phòng chuyên môn, TH-CB;
- Lưu: VT, VX2.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Linh

QUY ĐỊNH

**Tiêu chí phân nhóm xã, thôn theo mức độ khó khăn
và định mức phân bổ vốn Chương trình 135 năm 2015
và giai đoạn 2016-2020 trên địa bàn tỉnh Bắc Giang**
*(Ban hành kèm theo Quyết định số 495 /2014/QĐ-UBND ngày 01 / 8 /2014
của UBND tỉnh Bắc Giang)*

**Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định về tiêu chí phân nhóm xã, thôn theo mức độ khó khăn và định mức phân bổ vốn làm cơ sở để phân bổ nguồn vốn ngân sách Trung ương hỗ trợ bình quân đối với xã, thôn, bản đặc biệt khó khăn, xã an toàn khu thuộc Chương trình 135 năm 2015 và giai đoạn 2016 - 2020 trên địa bàn tỉnh Bắc Giang.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Các xã đặc biệt khó khăn (ĐBKK), xã an toàn khu (sau đây gọi là xã) và các thôn, bản (sau đây gọi là thôn) ĐBKK thuộc diện đầu tư Chương trình 135 năm 2015 và giai đoạn 2016-2020 theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.

Điều 3. Nguyên tắc phân bổ vốn

1. Thực hiện theo đúng quy định của Luật Ngân sách Nhà nước.
2. Đảm bảo tính dân chủ, công khai, minh bạch; đầu tư đúng nội dung và đối tượng.
3. Chỉ bố trí nguồn vốn của Chương trình 135 hàng năm cho các xã, thôn đã có các dự án, đề án, kế hoạch được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.
4. Bố trí vốn tập trung, tránh dàn trải, bảo đảm hiệu quả đầu tư và ưu tiên vốn cho những xã, thôn khó khăn hơn để tập trung nguồn lực cho phát triển kinh tế - xã hội, giảm nghèo bền vững và giảm khoảng cách chênh lệch giữa các xã, thôn trên cùng địa bàn.
5. Định mức phân bổ vốn được xác định trên cơ sở đánh giá các tiêu chí bằng phương pháp tính điểm.

Điều 4. Nguồn và thời điểm lấy số liệu sử dụng để đánh giá các tiêu chí

1. Nguồn: Kết quả điều tra, rà soát hộ nghèo, cận nghèo hàng năm do Chủ tịch UBND tỉnh quyết định và các số liệu do UBND các huyện cung cấp.
2. Thời điểm lấy số liệu: Ngày 31/12 của năm trước năm kế hoạch.

Chương II QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 5. Tiêu chí phân nhóm xã, thôn

1. Tiêu chí phân nhóm xã

a) Dự án hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng (chỉ áp dụng đối với xã ĐBKK)

Tiêu chí 1: Số thôn trong xã ĐBKK

$$\text{Số điểm bình quân cho 01 thôn} = \frac{500 \text{ điểm}}{\text{Tổng số thôn của các xã ĐBKK trên toàn tỉnh}}$$

$$\text{Số điểm của xã} = \text{Số thôn của xã} \times \text{Số điểm bình quân của 01 thôn}$$

Tiêu chí 2: Diện tích tự nhiên của xã ĐBKK

$$\text{Số điểm bình quân cho 01km}^2 \text{ diện tích} = \frac{500 \text{ điểm}}{\text{Tổng số diện tích (km}^2\text{) của các xã ĐBKK trên toàn tỉnh}}$$

$$\text{Số điểm của xã} = \text{Tổng diện tích (km}^2\text{) của xã} \times \text{Số điểm bình quân của 01 km}^2$$

b) Dự án hỗ trợ phát triển sản xuất

Tiêu chí: Số hộ nghèo và cận nghèo (áp dụng đối với xã ĐBKK và xã an toàn khu)

$$\text{Số điểm bình quân cho 01 hộ nghèo (hoặc cận nghèo)} = \frac{1000 \text{ điểm}}{\text{Tổng số hộ nghèo và cận nghèo của các xã}}$$

$$\text{Số điểm của xã} = \text{Tổng số hộ nghèo + cận nghèo của xã} \times \text{Số điểm bình quân của 01 hộ}$$

2. Tiêu chí phân nhóm thôn

Các tiêu chí dưới đây chỉ áp dụng với những xã khu vực I, II có từ 04 thôn ĐBKK trở xuống. Đối với những xã khu vực I, II có từ 04 thôn ĐBKK trở lên, tùy theo điều kiện của từng thôn mà xã lựa chọn để đầu tư theo nguyên tắc thôn khó khăn hơn ưu tiên đầu tư trước, không đưa vào phân nhóm.

a) Dự án hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng

Tiêu chí 1: Tỷ lệ hộ nghèo, cận nghèo của thôn

$$\text{Số điểm bình quân cho 1\% tỷ lệ hộ nghèo hoặc cận nghèo} = \frac{500 \text{ điểm}}{\text{Tổng số tỷ lệ hộ nghèo và cận nghèo của các thôn ĐBKK của các xã khu vực I, II có từ 04 thôn ĐBKK trở xuống trên toàn tỉnh}}$$

$$\text{Số điểm của thôn} = \text{Tỷ lệ nghèo + cận nghèo của thôn} \times \text{Số điểm bình quân cho 1\% tỷ lệ hộ nghèo + cận nghèo}$$

Tiêu chí 2: Số hộ dân trong thôn

$$\text{Số điểm bình quân cho 01 hộ dân} = \frac{500 \text{ điểm}}{\text{Tổng số hộ của các thôn ĐBKK của các xã khu vực I, II có từ 04 thôn ĐBKK trở xuống trên toàn tỉnh}}$$

$$\text{Số điểm của thôn} = \text{Tổng số hộ của thôn} \times \text{Số điểm bình quân cho 01 hộ}$$

b) Dự án hỗ trợ phát triển sản xuất

Tiêu chí: Số hộ nghèo và cận nghèo của thôn

$$\text{Số điểm bình quân cho 01 hộ nghèo (hoặc cận nghèo)} = \frac{1000 \text{ điểm}}{\text{Tổng số hộ nghèo và cận nghèo của các thôn ĐBKK của các xã khu vực I, II có từ 04 thôn ĐBKK trở xuống trên toàn tỉnh}}$$

$$\text{Số điểm của thôn} = \text{Tổng số hộ nghèo + cận nghèo của thôn} \times \text{Số điểm bình quân của 01 hộ}$$

Điều 6. Xác định tổng điểm của xã, thôn theo từng dự án

1. Dự án hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng

a) Tổng điểm của xã ĐBKK bằng tổng điểm các tiêu chí 1, 2 Điểm a, Khoản 1 Điều 5 của Quy định này.

b) Tổng điểm của thôn bằng tổng điểm các tiêu chí 1, 2 Điểm a Khoản 2 Điều 5 của Quy định này.

2. Dự án hỗ trợ phát triển sản xuất

a) Tổng điểm của xã (ĐBKK và an toàn khu) bằng tổng điểm tiêu chí số hộ nghèo và cận nghèo của xã tại Điểm b Khoản 1 Điều 5 của Quy định này.

b) Tổng điểm của thôn ĐBKK bằng tổng điểm tiêu chí số hộ nghèo và cận nghèo của thôn tại Điểm b Khoản 2 Điều 5 của Quy định này.

Điều 7. Phân nhóm xã, thôn theo mức độ khó khăn

Căn cứ vào tổng điểm các tiêu chí theo từng dự án, các xã, thôn được phân thành 03 nhóm như sau:

1. Nhóm xã, thôn khó khăn nhất (K_1): bao gồm 30% số xã, thôn có tổng điểm cao nhất trong tổng số xã, thôn theo từng dự án.

2. Nhóm xã, thôn khó khăn trung bình (K_2): bao gồm 40% số xã, thôn có tổng điểm cao sau nhóm K_1 trong tổng số xã, thôn theo từng dự án và các xã an toàn khu theo dự án hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng thuộc Chương trình 135.

3. Nhóm xã, thôn ít khó khăn (K_3): bao gồm 30% số xã, thôn còn lại trong tổng số xã, thôn theo từng dự án.

Điều 8. Định mức phân bổ vốn

1. Dự án hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng

a) Phân bổ 90% tổng nguồn vốn Trung ương giao cho tỉnh với định mức cho các nhóm xã, thôn như sau:

Nhóm xã, thôn khó khăn nhất (K_1):

$$K_1 = 1,1 \times V_{BQHT}$$

Nhóm xã, thôn khó khăn trung bình (K_2):

$$K_2 = V_{BQHT}$$

Nhóm xã, thôn ít khó khăn hơn (K_3):

$$K_3 = 0,9 \times V_{BQHT}$$

Trong đó: V_{BQHT} là định mức vốn bình quân của 01 xã hoặc thôn.

$$V_{BQHT} = \frac{90\% \text{ tổng vốn Trung ương giao cho các xã hoặc thôn}}{\text{Tổng số xã hoặc thôn}}$$

b) Phân bổ 10% tổng nguồn vốn Trung ương giao cho tỉnh để đầu tư những công trình hạ tầng liên xã, những công trình có tổng mức đầu tư lớn có tác dụng thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội; ưu tiên đầu tư những công trình nước sinh hoạt tập trung, các công trình thủy lợi, giao thông và các công trình hoàn thiện bộ tiêu chí về nông thôn mới tại các xã, thôn thuộc đối tượng điều chỉnh của Quy định này. Nguồn vốn của huyện nào thì thực hiện đầu tư công trình tại huyện đó, không điều chuyển vốn từ huyện này sang huyện khác.

2. Dự án hỗ trợ phát triển sản xuất

a) Nhóm xã, thôn khó khăn nhất (K_1):

$$K_1 = 1,2 \times V_{BQsx}$$

b) Nhóm xã, thôn khó khăn trung bình (K_2):

$$K_2 = V_{BQsx}$$

c) Nhóm xã, thôn ít khó khăn hơn (K_3):

$$K_3 = 0,8 \times V_{BQsx}$$

Trong đó: V_{BQsx} là định mức vốn bình quân của 01 xã hoặc thôn

$$V_{BQsx} = \frac{\text{Tổng vốn Trung ương giao cho các xã hoặc thôn}}{\text{Tổng số xã hoặc thôn}}$$

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 9. Trách nhiệm của các Sở, ban, ngành, địa phương có liên quan

1. Ban Dân tộc

a) Thông báo cho các huyện danh sách các xã, thôn thuộc các nhóm theo mức độ khó khăn và định mức phân bổ vốn theo từng dự án Chương trình 135.

b) Chủ trì, phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn thực hiện nguồn vốn 10% của dự án hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng tại các huyện.

c) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra, giám sát việc thực hiện Chương trình 135 theo quy định của pháp luật.

2. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

Chủ trì, phối hợp với Ban Dân tộc chỉ đạo các huyện hướng dẫn các xã xây dựng Đề án hỗ trợ phát triển sản xuất và chỉ đạo điểm ở một số xã, thôn để rút kinh nghiệm nhân ra diện rộng.

3. Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Lao Động - Thương binh và Xã hội, Sở Tài chính căn cứ chức năng, nhiệm vụ hướng dẫn thực hiện các nội dung thuộc lĩnh vực ngành quản lý; phối hợp với Ban Dân tộc trong việc chỉ đạo thực hiện Chương trình 135 và triển khai thực hiện Quyết định này.

4. UBND các huyện căn cứ thông báo nhóm xã, thôn và định mức phân bổ vốn có trách nhiệm hướng dẫn, chỉ đạo các xã, thôn lập kế hoạch tổ chức thực hiện.

Điều 10. Điều khoản thi hành

Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc đề nghị các cơ quan, đơn vị, cá nhân phản ánh về Ban Dân tộc để kịp thời tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh xem xét, giải quyết. / *qu*

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Chanh

Nguyễn Văn Linh